TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2021/HS-ST
Ngày 15/01/ 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào – Ông Trần Văn Luyện

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**; Sinh ngày: 04/7/1989 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nữ; Nơi ĐKNKTT: Xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Khắc H và bà Phạm Thị L; Chồng: Nguyễn Văn T (đã ly hôn); Con: Có 1 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến ngày 15/10/2020 được tại ngoại. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị H , sinh ngày 01/6/1996 – vắng mặt

Trú tại: Khối 4, Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

2. Võ Văn V, sinh ngày 16/12/1991 – vắng mặt

Trú tại Lưu Quang, xã Lưu Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

3. Hoàng Văn D, sinh ngày: 17/7/1980 và Chu Thị T, sinh ngày 01/7/1980 – vắng mặt

Cùng trú tại: xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

4. Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/9/1978 – vắng mặt

Trú tại: Khối 3, Thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/6/1985 – vắng mặt

Trú tại: xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

6. Phạm Thị Mỹ T, sinh ngày 17/12/1984 – vắng mặt

Trú tại khối 1, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

7. Bùi Thị Ngọc Đ, sinh ngày 26/11/1988 – vắng mặt

Trú tại xóm 3, xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

8. Phạm Thị H, sinh ngày 12/11/1977 – vắng mặt

Trú tại khối 3, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

9. Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/01/1999 – vắng mặt

Trú tại xóm 3, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 15/5/2020 đến 23/8/2020 Nguyễn Thị H, sinh ngày 04/7/1989, trú tại xóm 4, xã Đông sơn, huyện Đô Lương đã thực hiện hành vi "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* với các cá nhân cụ thể như sau:

1.Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Nguyễn Thị H : Do T và H có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 16/5/2020 đến 16/9/2020, T đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

+ Khế thứ nhất.

Lần 1. Ngày 16/5/2020, T đến cửa hàng bán quần áo tên "H Vô Lệ" của H tại khu vực Chợ Đình thuộc Khối 3, TT Đô Lương, huyện Đô Lương gặp và vay H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) nên T chỉ nhận được 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.200.000đ : 10.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 17/5/2020 đến ngày 11/6/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 11/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T đảo khế của lần vay 1. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 2 là 1.200.000đ và trừ số tiền T còn nợ ở lần vay 1 chưa trả hết (3.500.000đ) nên T chỉ nhận được 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.200.000. đ : 10.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 12/6/2020 đến 18/7/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 9.250.000đ (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 18/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền T còn nợ ở lần vay 2 (750.000đ) nên T chỉ nhận được 8.050.000đ (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.200.000. đ : 10.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49

lần. Từ ngày 19/7/2020 đến 09/8/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 4. Ngày 09/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 4 và trừ tiền T còn nợ ở lần vay 3 (4.500.000đ) nên T chỉ nhận được 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.200.000. đ : 10.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 10/8/2020 đến 06/9/2020, T đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Lần 5. Ngày 06/9/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T tiếp tục vay tiền. Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 5 nên T chỉ nhận được 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.200.000. đ : 10.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 07/9/2020 đến 16/9/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).Đến ngày 17/9/2020 H bị bắt nên lãi suất của lần này chỉ tính đến 16/9/2020.

Như vậy, tại khế vay này, ở lần vay 1 đến 4 thì ngay sau khi vay tiền lần kế tiếp, T đã trả hết số tiền cả gốc và lãi của lần vay trước cho H nên tổng số tiền lãi tại 4 lần vay đầu mà H đã thu là 1.200.000đ x 4 = 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Ở lần vay 5, theo thỏa thuận số tiền lãi mà H phải trả là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) = 3/25 (có nghĩa là tiền lãi trên tiền gốc là 1.200.000đ/10.000.00đ) số tiền cả gốc và lãi theo thỏa thuận phải trả là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Mặt khác, ở lần vay 5, T đã trả góp được 10 ngày với số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng đã trả số tiền lãi là 2.500.000đ x 3/25 = 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối với các giao dịch giữa H tại các khế khác hoặc với các cá nhân khác thì cách tính tương tự như trên.

+ Khế thứ 2.

Lần 1. Ngày 02/6/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất T vay H số tiền 20.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên T chỉ nhận được 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000. đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 03/6/2020 đến ngày 28/6/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 10.400.000đ (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 28/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 2 và trừ tiền T còn nợ ở lần vay 1 (8.600.000đ) nên T chỉ nhận được 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000. đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 29/6/2020 đến 30/7/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 12.800.000đ (Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 30/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền T còn nợ ở lần vay 2 (7.200.000đ) nên T chỉ nhận được 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000. đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 31/7/2020 đến 26/8/2020, T đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Lần 4. Ngày 26/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, T tiếp tục vay tiền. Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 4 nên T chỉ nhận được 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000. đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày 26/8/2020 đến 16/9/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Đến ngày 17/9/2020 H bị bắt nên lãi suất chỉ tính đến ngày 16/9/2020.

Như vậy, từ ngày 16/5/2020 đến ngày 26/8/2020 Nguyễn Thị H cho Nguyễn Thị H vay tổng cả hai khế là 9 giao dịch dân sự với số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) qua đó đã thu 15.360.000đ (Mười lăm triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi. Mặt khác, lãi suất hợp pháp cao nhất (Theo BLDS) là 20%/năm tương ứng 10/183% /ngày (Năm 2020 có 366 ngày) thì tổng số lãi suất hợp pháp cao nhất ở các giao dịch với T là: 26 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 1 + 37 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 1 + 22 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 1 + 28 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 4 khế 1 + 10 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 5 khế 1 + 26 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 32 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 + 27 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 2 + 21 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 4 khế 2 = 26 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 37 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 22 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 28 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 10 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 26 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 32 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 27 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 21 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày = 1.721.311đ (Một triệu, bảy trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm mười một đồng).

Vậy số lợi bất chính mà H thu được từ việc cho T vay tiền là 13.638.689đ (Mười ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng). Hiện tại chị T đã trả đủ số tiền gốc cho H, đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị T thì H đã hoàn trả lại cho chị T.

2, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Võ Văn V:

Lần 1. Sau khi được người quen giới thiệu, ngày 28/6/2020, V đến quan bán quần áo của H gặp và vay H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt lãi số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên V chỉ nhận được số tiền 12.750.000đ (Mười hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.250.000. đ : 15.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 25/7/2020 V đã trả cho H tổng số tiền 7.800.000đ (Bảy triệu, tám trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 25/7/2020, cùng cách thức và thỏa thuận như lần 1, V đảo khế. Lần này, V vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi đảo, H cắt lãi của lần vay 2 số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và trừ số tiền V còn nợ ở lần 1 là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) nên V chỉ nhận được 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền vay lần này thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồngTừ sau khi vay đến nay, V chưa trả cho H số tiền nào cả.

Như vậy, từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/7/2020 H đã thông qua 2 giao dịch dân sự cho V vay tổng số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) qua đó đã thu 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lãi. Mặt khác, số tiền lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch với V là: 27 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 (Đối với lần vay 2 do chưa thu tiền nên không tính lãi) = 27 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày = 221.311đ (Hai trăm hai mươi mốt nghìn, ba trăm mười một đồng). Số tiền lãi hợp pháp là 221.000đ và số tiền thu lợi bất chính là **2.028.689đ** (Hai triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm tám mươi chín đồng). Hiện tại số tiền gốc anh V chưa trả cho H là 9.800.000 đồng (Chín triệu tám trăm ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của anh V thì H chưa hoàn trả cho anh V.

3, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Hoàng Văn D và Chu Thị T:

D có quan hệ quen biết từ trước với H nên từ ngày 17/6/2020 đến 16/9/2020, D và T đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

Lần 1. Ngày 17/6/2020, D đến cửa hàng bán quần áo của H gặp và vay H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên D chỉ nhận được 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) - tương ứng

lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.250.000. đ : 15.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần Từ ngày 18/6/2020 đến ngày 12/7/2020, D và T đã trả cho H tổng số tiền 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 12/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận như lần 1, nhưng lần nàu là chị T vợ của D đến gặp H và đảo khế. Lần này T vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 2 số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và trừ số tiền mà D còn nợ ở lần 1 (7.800.000đ) nên T chỉ nhận được 13.450.000đ (Mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.750.000. đ : 25.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần Từ ngày 13/7/2020 đến 10/8/2020, D và T đã trả cho H tổng số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Lần 3. Ngày 10/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 2, T đảo khế. Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền T còn nợ ở lần vay 2 (11.000.000đ) nên T chỉ nhận được 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)- tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.750.000. đ : 25.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 11/8/2020 đến 08/9/2020, D và T đã trả cho H tổng số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 4. Ngày 08/9/2020, cùng cách thức, thỏa thuận như lần 3, T đảo khế. Lần này, T vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt lãi số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và trừ số tiền T còn nợ ở lần vay 3 (10.500.000đ) nên T chỉ nhận được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=4.500.000. đ : 30.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 09/9/2020 đến 16/9/2020, D và T đã trả cho H tổng số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Từ sau đó, D và T không trả thêm cho H số tiền nào cả và còn nợ H số tiền 25.200.000đ (Mười tám triệu một trăm nghìn đồng).

Như vậy, Từ ngày 17/6/2020 đến ngày 16/9/2020 Nguyễn Thị H đã thông qua 4 giao dịch dân sự cho vợ chồng anh D và chị T vay tổng số tiền 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) qua đó đã thu 10.470.000đ (Mười triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 25 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 + 29 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 + 29 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 + 8 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 4 = 25 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày + 29 ngày x 25.000.000đ x 10/183%/ngày + 29 ngày x 25.000.000đ x 10/183%/ngày + 8 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày = 1.128.415đ (Một triệu, một trăm hai mươi tám

nghìn, bốn trăm mười lăm đồng). Vậy số thu lợi bất chính mà H thu được từ việc cho D và T vay tiền là: 9.341.585đ (Chín triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, năm trăm tám lăm đồng). Hiện vợ chồng anh D và chị T còn nợ H số tiền gốc là 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H thu của anh D và chị T thì H chưa hoàn trả cho hai người này.

4, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Nguyễn Thị H:

Do H và H có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 16/5/2020 đến 16/9/2020, H đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

+ Khế thứ nhất.

Ngày 25/5/2020, H đến cửa hàng bán quần áo của H gặp và vay H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên H chỉ nhận được 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.500.000.đ : 10.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 25/5/2020 đến ngày 14/7/2020, H đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

+ Khế thứ 2.

Lần 1. Ngày 12/6/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất H vay H số tiền 20.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên H chỉ nhận được 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 13/6/2020 đến ngày 19/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 14.800.000đ (Mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 19/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, H đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 2 và trừ tiền H còn nợ ở lần vay 1 (5.200.000đ) nên H chỉ nhận được 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 20/7/2020 đến 02/9/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Lần 3. Ngày 02/9/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 1, H đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền H còn nợ ở lần vay 2 (2.000.000đ) nên H chỉ nhận được 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố

tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 03/9/2020 đến 16/9/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Khế thứ 3.

Ngày 04/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ 2, H tiếp tục vay tiền. Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên H chỉ nhận được 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 05/7/2020 đến ngày 23/8/2020, H đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Khế thứ 4.

Ngày 25/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ 3, H tiếp tục vay tiền. Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nên H chỉ nhận được 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng)- tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=3.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần Từ ngày 26/8/2020 đến ngày 16/9/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Khế thứ 5.

Ngày 30/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ 1, H tiếp tục vay tiền. Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên H chỉ nhận được 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)- tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=1.500.000.đ : 10.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 16/9/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Như vậy, từ ngy 25/5/2020 đến 16/9/2020 H đã cho chị Nguyễn Thị H vay 5 khế, thông qua 7 giao dịch dân sự cho H vay tổng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) qua đó đã thu 13.170.000đ (Mười ba triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 50 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 1 + 37 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 45 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 + 14 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 2 + 50 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 3 + 22 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 4 + 17 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 5 = 50 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 37 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 45 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 14 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 50 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 22 ngày x 20.000.000đ x

10/183%/ngày + 17 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày = 2.202.186đ (Hai triệu, hai trăm linh hai nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng). Vậy số thu lợi bất chính mà H thu được từ việc cho H vay tiền là **10.967.814đ** (Mười triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm mười bốn đồng). Hiện tại số tiền gốc chị H chưa trả cho H là 32.200.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị H thì H đã hoàn trả lại cho chị H.

5, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Nguyễn Thị K:

Do K và H có quan hệ quen biết từ trước nên từ ngày 16/5/2020 đến 16/9/2020, K đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

Lần 1. Ngày 30/5/2020, K đến cửa hàng bán quần áo của H gặp và vay H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ngay khi vay, H cắt lãi số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên K chỉ nhận được 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8% (=4.500.000.đ : 30.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 31/5/2020 đến ngày 29/6/2020, K đã trả cho H tổng số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Lần 2. Ngày 10/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận như lần 1, K tiếp tục vay H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 2 số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nên K chỉ nhận được 21.250.000đ (Hai mươi mốt triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). tương ứng lãi suất trả góp là 109,8% (=3.750.000.đ : 25.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 12/6/2020 đến 16/7/2020, K đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần 3. Ngày 29/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần 2, K tiếp tục vay tiền. Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền K còn nợ ở lần vay 1 (12.000.000đ) nên K chỉ nhận được 9.250.000đ (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). tương ứng lãi suất trả góp là 109,8% (=3.750.000.đ : 25.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 30/6/2020 đến 17/7/2020, K đã trả đủ cả gốc và lãi cho H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Lần 4. Ngày 17/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận như các lần trước K tiếp tục vay H số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt tiền lãi của lần vay 4 số tiền 6.480.000đ (Sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) nên K chỉ nhận được 29.520.000đ (Hai mươi chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). tương ứng lãi suất trả góp là 109,8% (=6.480.000.đ : 36.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần Từ ngày 18/7/2020 đến

20/8/2020, K đã trả cho H tổng số tiền 17.900.000đ (Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng). Từ sau đó K không có khả năng chi trả nên chưa trả thêm cho H số tiền nào.

Như vậy, từ ngày 16/5/2020 H đã thông qua 4 giao dịch dân sự cho Nguyễn Thị K vay tổng số tiền 116.000.000đ (một trăm mười sáu triệu đồng) qua đó đã thu 15.222.000đ (Mười lăm triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 30 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 + 36 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 + 18 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 + 60 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 4 = 30 ngày x 30.000.000đ x 4/73%/ngày + 36 ngày x 25.000.000đ x 10/183%/ngày + 18 ngày x 25.000.000đ x 10/183%/ngày + 60 ngày x 36.000.000đ x 10/183%/ngày = 2.409.836đ (Hai triệu, bốn trăm linh chín nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng). Vậy số lợi bất chính mà H thu được từ việc cho K vay tiền là 12.812.164đ (Mười hai triệu, tám trăm mười hai nghìn, một trăm mười sáu đồng). Hiện tại số tiền gốc chị K chưa trả cho H là 18.100.000 đồng (Mười tám triệu một trăm ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị K thì H đã hoàn trả lại cho chị K.

6, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Phạm Thị Mỹ T:

Do quen biết từ trước qua giới thiệu của bạn bè xã hội, từ tháng 5/2020 đến ngày 17/9/2020, T đã vay tiền của H nhiều lần cụ thể như sau:

+ Khế vay thứ nhất:

Lần 1: Ngày 19/5/2020, T đi đến cửa hàng bán quần áo của H gặp và vay H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay H cắt lãi số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) nên T chỉ nhận được 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 67 (Sáu mươi bảy ngày), mỗi ngày T phải đóng cho H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), riêng ngày cuối cùng đóng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) –tương ứng lãi suất trả góp là 109,25%/năm (=4.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/67 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,46 lần. Khi vay, theo yêu cầu của H, T viết giấy vay tiền trong sổ của H. Từ ngày 20/5/2020 đến ngày 23/6/2020, T đã đóng cho H tổng số tiền là 10.200.000đ (Mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 23/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần vay thứ nhất, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 2 và trừ số tiền T còn nợ ở lần 1 (9.800.000đ) nên T chỉ nhận được số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) riêng ngày cuối cùng đóng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) —tương ứng lãi suất trả góp là 109,25%/năm (=4.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/67 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,46 lần. Từ ngày 24/6/2020 đến ngày 26/7/2020 T đã đóng cho H tổng số tiền là 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 26/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần vay thứ nhất, T đảo khế. Ngay sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay thứ 3 và trừ số tiền T

còn nợ ở lần 2 (10.100.000đ), nên T chỉ nhận được số tiền 5.900.000đ (Năm triệu chín trăm nghìn đồng), –tương ứng lãi suất trả góp là 109,25%/năm (=4.000.000.đ : 20.000.000đ x100%/67 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,46 lần. Từ ngày 27/7/2020 đến trước ngày 17/9/2020 T đã đóng đủ cho H tổng số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). (ngày cuối cùng đóng tiền T và H không nhớ rõ nên khi tính thu lợi hợp pháp xem ngày cuối cùng là 16/9/2020 để có lợi cho bị can).

+ Khế vay tiền thứ hai:

Lần 1. Ngày 08/6/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất, T vay của H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt lãi số tiền 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) nên T chỉ nhận được số tiền 23.250.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 75 (Bảy mươi lăm) ngày, mỗi ngày T phải đóng cho H số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm tương ứng lãi suất trả góp là 109,8% (=6.750.000.đ : 30.000.000đ x100%/75 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 09/6/2020 đến ngày 14/7/2020, T đã trả cho H tổng số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Lần 2. Ngày 14/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần vay 1, T đảo khế. Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay 2 và trừ số tiền T còn nợ tại lần vay 1 (16.000.000đ) nên T chỉ nhận được số tiền 7.250.000đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm-(=6.750.000.đ : 30.000.000đ x100%/75 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 15/7/2020 đến 20/8/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 14.100.000đ (Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 20/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần vay 1, T đảo khế. Ngày sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay 3 và trừ luôn số tiền T còn nợ tại lần vay 2 (15.900.000đ) nên T chỉ nhận được số tiền 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=6.750.000.đ : 30.000.000đ x100%/75 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 21/8/2020 đến 16/9/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó H bị bắt nên lãi suất chỉ tính đến ngày 16/9/2020.

Như vậy, từ ngày 19/5/2019 đến ngày 16/9/2020, tổng cả hai khế, H đã thông qua 06 giao dịch dân sự cho T vay tổng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) qua đó đã thu 27.930.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 35 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 1 + 33 ngày tiền lãi

hợp pháp của lần vay 2 khế 1 + 52 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 1 + 52 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 36 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 + 27 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 2 = 35 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 33 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 52 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 36 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày + 36 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày + 27 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày = 2.934.426 (Hai triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng). Vậy số lợi bất chính mà H thu được từ việc cho T vay tiền là 24.995.574đ (Hai mươi tư triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bảy mươi tư đồng). Hiện tại số tiền gốc chị T chưa trả cho H là 19.200.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị T thì H đã hoàn trả lại cho chị T.

7, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Bùi Thị Ngọc Đ:

Đ và H có quen biết từ trước nên từ tháng 6/2020 đến ngày 17/9/2020, Đ đã vay tiền của H nhiều lần cụ thể như sau:

+ Khế vay tiền thứ nhất:

Lần 1. Vào ngày 07/6/2020, Đ đi đến của hàng bán quần áo của H gặp và vay H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngay sau khi vay H cắt lãi số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) nên Đ chỉ nhận được số tiền 12.750.000đ (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong 50 ngày, mỗi ngày 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.250.000.đ : 15.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 08/6/2020 đến ngày 10/7/2020, Đ đã trả cho H tổng số tiền 9.350.000đ (Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Các lần vay tiền theo yêu cầu của H, Đ viết giấy vay tiền hoặc giấy nhận suất phường (bản chất là giấy vay tiền trá hình).

Lần 2. Ngày 10/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, Đ đảo khế 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H cắt lãi của lần vay 2 và trừ số tiền Đ còn nợ tại lần vay 1 (5.650.000đ) nên Đ chỉ nhận được số tiền 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.250.000.đ : 15.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 11/7/2020 đến 11/8/2020, Đ đã trả cho H tổng số tiền 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm đồng).

Lần 3. Ngày 11/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, Đ đảo khế 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H cắt lãi của lần vay 3 và trừ số tiền Đ còn nợ tại lần vay 2 (5.400.000đ) nên Đ chỉ nhận được số tiền 7.350.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.250.000.đ : 15.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015

(20%) là 5,49 lần.Từ ngày 12/8/2020 đến 16/9/2020, Đ đã trả cho H tổng số tiền 10.800.000đ (Mười triệu tám trăm đồng).

+ Khế vay tiền 2.

Lần 1. Ngày 25/6/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất Đ vay H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngay sau khi vay, H cắt lãi số tiền 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) nên Đ chỉ nhận được số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 60 (Năm mươi) ngày, mỗi ngày 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.700.000.đ : 15.000.000đ x100%/60 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 26/6/2020 đến ngày 07/8/2020, Đ đã đóng cho H số tiền 10.750.000đ (Mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 07/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, Đ đảo khế 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng),. Ngày sau khi đảo, H cắt lãi của lần vay 2 và trừ số tiền Đ còn nợ tại lần vay 1 nên Đ chỉ nhận được số tiền 8.050.000đ (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). - tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.700.000.đ : 15.000.000đ x100%/60 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày 08/8/2020 đến 16/9/2020, Đ đã trả cho H tổng số tiền 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Từ ngày 17/9/2020 H bị bắt nên chỉ tĩnh lãi đến ngày 17/9/2020.

Như vậy, H đã thông qua 05 giao dịch dân sự cho Đ vay tổng số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) qua đó đã thu 11.799.000đ (Mười một triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 33 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 1 + 32 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 1 + 36 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 1 + 43 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 40 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 = 33 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày + 32 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày + 36 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày + 43 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày + 40 ngày x 15.000.000đ x 10/183%/ngày = 1.508.197đ (Một triệu, năm trăm linh tám nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng). Vậy số lợi bất chính mà H thu được từ việc cho Đ vay tiền là 10.290.803đ (Mười triệu, hai trăm chín mươi nghìn, tám trăm linh ba đồng). Hiện tại số tiền gốc chị Đ chưa trả cho H là 7.350.000 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng), đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị Đ thì H đã hoàn trả lại cho chị Đ.

8, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Phạm Thị H:

H và H có quen biết từ trước nên từ tháng 6/2019 đến ngày 17/9/2020, H đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

+ Khế vay tiền 1.

Lần 1. Ngày 17/5/2020, H đã đi đên của hàng quần áo của H gặp và vay H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay H cắt lãi số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng) nên H chỉ nhận được số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 40 (Bốn mươi) ngày, mỗi ngày 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) – Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 18/5/2020 đến ngày 14/6/2020, H đã đóng cho H tổng số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Lần 2. Ngày 14/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, H đảo khế 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng),. Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay 2 và trừ tiền H còn nợ tại lần vay 1 (6.000.000đ) nên thực tế H chỉ nhận số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 15/6/2020 đến ngày 06/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 06/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, H đảo khế 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay 3 và trừ tiền H còn nợ tại lần vay 2 (8.200.000đ) nên thực tế H chỉ nhận số tiền 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 07/7/2020 đến ngày 27/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 4. Ngày 27/7/2020, cùng cách thức vay tiền số tiền vay và tiền lãi như lần vay 1 của khế vay tiền 1, H đảo khế vay tiền của H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngày sau khi vay tiền, H thu tiền lãi của khoản vay này và trừ tiền nợ của lần vay 3 (9.500.000đ) nên thực tế H chỉ nhận số tiền 8.100.000đ (Tám triệu một trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 28/7/2020 đến ngày 30/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Khế vay tiền 2.

Lần 1. Ngày 23/5/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ nhất, H tiếp tục vay tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay tiền, H cắt lãi của lần vay này nên H chỉ nhận được số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày

24/5/2020 đến ngày 19/6/2020, H đã đóng cho H tổng số tiền 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 19/6/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, H đảo khế 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay này và trừ số tiền H còn nợ tại lần vay 1 là 8.600.000đ (Tám triệu sáu trăm nghìn đồng) nên H chỉ nhận số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 14/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 14/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, H đảo khế 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H cắt tiền lãi của lần vay này và trừ số tiền H còn nợ tại lần vay 2 (7.500.000đ) nên thực tế H chỉ nhận số tiền 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày 14/7/2020 đến ngày 30/7/2020, H đã trả cho H số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

+ Khế vay tiền 3.

Ngày 31/5/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ nhất, H tiếp tục vay tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay tiền, H cắt lãi của lần vay này nên H chỉ nhận được số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 01/6/2020 đến ngày 23/6/2020, H đã trả đủ cho H số tiền cả gốc và lãi là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

+ Khế vay tiền 4.

Ngày 20/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như khế thứ nhất, H tiếp tục vay tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay tiền, H cắt lãi của lần vay này nên H chỉ nhận được số tiền 17.600.000đ (Mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=2.400.000.đ : 20.000.000đ x100%/40 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày 20/7/2020 đến ngày 30/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

+ Khế vay tiền 5.

Lần 1. Ngày 09/6/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất H tiếp tục vay H số tiền 30.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay tiền, H thu tiền lãi của lần vay này số tiền 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên H chỉ nhận được số tiền 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay

thỏa thuận trả góp trong vòng 50 ngày, mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) – Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=4.500.000.đ : 30.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần.Từ ngày 10/6/2020 đến ngày 11/7/2020, H đã đóng cho H tổng số tiền 17.100.000đ (Mười bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 11/7/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền như lần vay 1 của, H đảo khế 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay này và trừ số tiền H còn nợ của lần vay 1 (12.900.000đ) nên H chỉ nhận số tiền 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=4.500.000.đ : 30.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 12/7/2020 đến ngày 30/7/2020, H đã trả cho H tổng số tiền 11.400.000đ (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Từ ngày 31/7/2020 đến 10/8/2020, H không trả cho H số tiền nào của tất cả các khế vay tiền. Ngày 10/8/2020, H và H thỏa thuận gộp tất cả số tiền nợ của các khế vay lại và viết giấy vay nợ số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng) và hẹn trả góp mỗi ngày số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và không thu thêm tiền lãi. Từ ngày 10/8/2020 đến ngày 16/9/2020, H đã trả cho H tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Như vậy, tại ngày 10/8/2020, H đã gộp các khoản nợ khi vay lãi cao lại với nhau thành khoản nợ dân sự khác và trả góp hàng ngày nên coi như H đã thanh toán hoàn tất các khoản nợ vay lãi còn lại nêu trên.

Nên từ ngày 17/5/2020 đến ngày 10/8/2020, H đã thông qua 11 giao dịch dân sự cho H vay tổng số tiền 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) qua đó đã thu 30.600.000đ (Ba mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi. Mặt khác, số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 28 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 1 + 22 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 1 + 21 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 1 +14 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 4 khế 1 + 27 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 25 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 + 27 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 2 + 23 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 3+ 21 ngày tiền lãi hợp pháp của khế 4+ 32 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 5 + 30 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 5 = 28 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 22 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 21 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 14 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 27 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 25 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 27 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 23 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 21 ngày x 20.000.000đ x 10/183%/ngày + 32 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày + 30 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày = 3.289.617đ (Ba triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm mười bảy đồng). Vậy số lợi bất chính mà H thu được từ việc cho H vay tiền là 27.310.383đ (Hai mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng). Hiện tại số tiền gốc chị H chưa trả cho H là 59.000.000 đồng (Năm mươi chín triệu đồng), đối với

số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị H thì H chưa trả lại cho chị H, hiện chị H yêu cầu H trả lại số tiền trên.

9, Các giao dịch giữa Nguyễn Thị H với Nguyễn Thị T:

T và H có quen biết từ trước nên từ tháng 5/2020 đến ngày 16/9/2020, T đã nhiều lần vay tiền của H cụ thể như sau:

+ Khế vay tiền 1.

Lần 1. Ngày 15/5/2020, T đi đến cửa hàng quần áo của H gặp và vay H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngay sau khi vay tiền, H thu tiền lãi của lần vay này số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên T chỉ nhận được số tiền 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 50 (Năm mươi) ngày, mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) – Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm (=4.500.000.đ : 30.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020). Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 16/5/2020 đến ngày 12/6/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 12/6/2020, cùng cách thức như lần vay 1, T đảo khế. Lần này, T vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 100(Một trăm) ngày mỗi ngày 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Ngày sau khi vay tiền, H thu tiền lãi của lần vay này là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) và trừ số tiền T còn nợ tại lần vay 1 là 14.700.000đ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) và trừ 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) – Là khoản tiền nợ ngoài việc vay mượn giữa H và T, nên T chỉ nhận số tiền 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng) – Tương ứng lãi suất trả góp của lần vay này là 109,8%/năm (=18.000.000.đ : 60.000.000đ x100%/100 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 13/6/2020 đến ngày 04/8/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 31.800.000đ (Ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

Lần 3. Ngày 04/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 2, T đảo khế 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay này và trừ số tiền T còn nợ của lần vay 2 (28.200.000đ) nên T chỉ nhận số tiền 13.800.000đ (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng). Tương ứng lãi suất trả góp của lần vay này là 109,8%/năm (=18.000.000.đ : 60.000.000đ x100%/100 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 05/8/2020 đến ngày 16/9/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 25.800.000đ (Hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Khế vay tiền 2.

Lần 1. Ngày 23/7/2020, cùng cách thức như khế thứ nhất T vay H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ngay sau khi vay, H thu tiền lãi của lần vay này là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên T chỉ nhận được số tiền

8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền vay thỏa thuận trả góp trong vòng 50 (Năm mươi) ngày, mỗi ngày 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) – Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm, (=1.500.000.đ : 10.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 24/7/2020 đến ngày 24/8/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Lần 2. Ngày 24/8/2020, cùng cách thức, thỏa thuận và số tiền vay như lần vay 1, T đảo khế 10.000.000đ (mười triệu đồng). Ngày sau khi đảo, H thu tiền lãi của lần vay này và trừ số tiền T còn nợ của lần vay 1 (4.400.000đ) nên T chỉ nhận số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm nghìn đồng). – Tương ứng lãi suất trả góp là 109,8%/năm, (=1.500.000.đ : 10.000.000đ x100%/50 ngày x 366 ngày (năm 2020).Lãi suất vượt mức so với quy định cho phép của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (20%) là 5,49 lần. Từ ngày 24/8/2020 đến ngày 16/9/2020, T đã trả cho H tổng số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Như vậy, H đã thông qua 05 giao dịch dân sự cho T vay tổng số tiền 170.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) qua đó đã thu 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi. Số lãi suất hợp pháp cao nhất mà BLDS quy định ở các giao dịch nêu trên là: 28 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 1 + 53 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 1 + 43 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 3 khế 1 + 32 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 1 khế 2 + 23 ngày tiền lãi hợp pháp của lần vay 2 khế 2 = 28 ngày x 30.000.000đ x 10/183%/ngày + 53 ngày x 60.000.000đ x 10/183%/ngày + 43 ngày x 60.000.000đ x 10/183%/ngày + 32 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày + 23 ngày x 10.000.000đ x 10/183%/ngày = 3.907.104đ (Ba triệu, chín trăm linh bảy nghìn, một trăm linh bốn đồng). Số thu lợi bất chính mà H thu được từ việc cho T vay tiền là 28.492.896đ (Hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng). Hiện tại chị T đã trả đủ số tiền gốc cho H, đối với số tiền thu lợi bất chính mà H đã thu của chị T thì H đã hoàn trả lại cho chị T.

Như vậy trong thời gian từ tháng 5/2020 đến ngày 17/9/2020, Nguyễn Thị H đã thông qua 53 giao dịch dân sự cho 10 cá nhân vay tổng số tiền 1.131.000.000đ (Một tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu đồng), với lãi suất trả góp thỏa thuận là từ 109,25%/năm đến 109,8%/năm. Từ hành vi phạm tội, các bị can đã thu số tiền lãi là 159.201.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm linh một nghìn đồng), trong đó thu lợi bất chính số tiền 139.878.597đ (Một trăm ba mươi chín triệu, tám trăm bảy tám nghìn, năm trăm chín bảy đồng).

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công An huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã thu giữ gồm: Tiền 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu giữ trong qua trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị H đã được niêm phong theo đúng quy định và gửi bảo quản tại kho bạc nhà nước huyện Đô Lương; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, lắp sim thứ nhất số: 0979.353.567; sim thứ hai

không lắp; có số imei 1: 353891103517467; có số imei2: 353891103460254 (đã qua sử dụng) thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện Đô Lương; 02 (hai) quyển số màu đỏ-đen, bên trong có nhiều T giấy ghi các nội dung khác nhau. Các T giấy đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và được đánh số từ 1 đến 100 được bảo quản và chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Mỹ T, Phạm Thị H, anh Hoàng Văn D, chị Chu Thị T, anh Võ Văn V yêu cầu Nguyễn Thị H trả lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; Bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho chị Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị H, Bùi Thị Ngọc Đ nên không ai có thêm yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 120/CT-VKS-ĐL ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 24 – 30 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: - Truy thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền gốc bị cáo đã cho những người vay là 1.131.000.000đ (Một tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu đồng), trong đó bị cáo mới nhận được tiền gốc 960.150.000 đồng do những người liên quan trả nợ gốc. Cho nên phải truy thu tại bị cáo tiền gốc cho vay là 960.150.000 đồng; truy thu tại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị Phạm Thị H số tiền là 59.000.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Đ số tiền 7.350.000 đồng; chị Nguyễn Thị K số tiền 18.100.000 đồng; anh Võ Văn V số tiền 9.800.000 đồng; anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T số tiền 25.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 32.200.000 đồng; chị Phạm Thị Mỹ T số tiền 19.200.000 đồng.

- Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền lãi tương ứng với lãi xuất 20/%/năm đã thu của bốn người với tổng số tiền là 19.322.403 đồng (Mười chín triệu ba trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với chị Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị H, Bùi Thị Ngọc Đ, bị cáo đã trả lại khoản thu lợi bất chính, hiện những người này không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Áp dung Điều 468 Bộ luật dân sự; Tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất hợp pháp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị Phạm Thị H 27.310.383 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười ngàn ba trăm tám mươi ba đồng); chị Phạm Thị Mỹ T 24.995.574 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng); anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T 9.341.585 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng); anh Võ Văn V

2.028.689 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng khác của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1].Xét hành vi phạm tội: Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định và các chứng cứ khác đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên toà. Như vậy, có cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến ngày 16/9/2020, Nguyễn Thị H đã thông qua 53 giao dịch dân sự cho 10 cá nhân vay gồm Nguyễn Thị H , Võ Văn V, Hoàng Văn D, Chu Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị K, Phạm Thị Mỹ T, Bùi Thị Ngọc Đ, Phạm Thị H, Nguyễn Thị T tổng số tiền 1.131.000.000đ (Một tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu đồng), với lãi suất trả góp thỏa thuận là từ 109,25%/năm đến 109,8%/năm vượt quá 5 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính số tiền 139.878.597đ (Một trăm ba mươi chín triệu, tám trăm bảy tám nghìn, năm trăm chín bảy đồng). Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như bản cáo trạng truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Do vậy, cần kịp thời đưa ra xét xử nghiêm và lên một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trong, Bố đẻ là thương binh được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ

hạng nhất (là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện VKS là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và thể hiện sự kHn hồng pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính còn có hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[2.5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tiền 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu giữ trong qua trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị H, xét không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, lắp sim thứ nhất số: 0979.353.567; sim thứ hai không lắp; có số imei 1: 353891103517467; có số imei2: 353891103460254 (đã qua sử dụng) thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H đang được bảo quản tại kho vật chứng Công an huyện Đô Lương là công cụ sử dụng liên lạc trong việc cho vay lãi nặng giữa bị cáo và những người liên quan nên cần tịch thu hóa giá xung quỹ nhà nước; 02 (hai) quyển số màu đỏ-đen, bên trong có nhiều T giấy ghi các nội dung khác nhau. Các T giấy đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và được đánh số từ 1 đến 100 là ghi chép việc vay tiền, chuyển tiền trong việc cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

Số tiền gốc 1.131.000.000 đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn mức 20%/năm là lợi tức phát sinh từ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Bị cáo H đã thu hồi được 960.150.000 đồng tiền gốc và hưởng lợi tiền lãi 19.322.403 đồng phát sinh từ tiền gốc nên cần phải truy thu để sung quỹ nhà nước.

Theo các tài liệu phản ánh tại hồ sơ thì một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận chưa trả hết tiền gốc cho bị cáo. Vì vậy, cần truy thu số tiền gốc từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sở hữu để sung quỹ nhà nước, gồm: chị Phạm Thị H số tiền là 59.000.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Đ số tiền 7.350.000 đồng; chị Nguyễn Thị K số tiền 18.100.000 đồng; anh Võ Văn V số tiền 9.800.000 đồng; anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T số tiền 25.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 32.200.000 đồng; chị Phạm Thị Mỹ T số tiền 19.200.000 đồng.

[2.6] Về trách nhiệm dân sự: Về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với chị Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H , Nguyễn Thị H, Bùi Thị Ngọc Đ, bị cáo đã trả lại khoản thu lợi bất chính, hiện những người này không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Áp dung Điều 468 Bộ luật dân sự; tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lợi bất hợp pháp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị Phạm Thị H

27.310.383 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười ngàn ba trăm tám mươi ba đồng); chị Phạm Thị Mỹ T 24.995.574 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng); anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T 9.341.585 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng); anh Võ Văn V 2.028.689 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Trong vụ án này bị cáo H còn khai nhận thực hiện hành vi cho Nguyễn Thị Tố Uyên sinh năm 2002, trú tại xóm Thế Minh, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và Trần Thị Ngọc sinh năm 1991, trú tại xóm 2, xã Lạc Sơn, huyện Đô lương vay tiền với lãi suất cao. Tuy nhiên qua xác minh Uyên và Ngọc không có mặt tại địa phương nên chưa có cơ sở kết luận, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương sẽ tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

Đối với bà Phạm Thị L, sinh Năm 1950, trú tại Xóm 4 xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, theo lời khai của bà Loan, cũng như chị Nguyễn Thị H, Bùi Thị Ngọc Đ, Phạm Thị Mỹ T, trong khoảng thời gian H bị tạm giữ nhưng chị Hương trả cho bà Loan 4.600.000đ (bốn triêu sáu trăm nghìn đồng, Đ trả cho bà Loan 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), Thành trả cho bà Loan 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), sau khi H được bảo lĩnh, bà Loan đã đưa số tiền trên cho H. Tại cơ quan điều tra bà Loan trình bày không biết số tiền trên là tiền gì nên không phạm tội.

[3] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 ; điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu tiền để sung vào ngân sách nhà nước:

Từ bị cáo H số tiền *979.472.403 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm lẻ ba đồng)* (gồm 960.150.000 đồng tiền gốc sử

dụng vào mục đích cho vay lãi nặng và tiền lợi tức phát sinh từ tiền gốc cho vay 19.322.403 đồng).

Từ chị Phạm Thị H số tiền 59.000.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Đ số tiền 7.350.000 đồng; chị Nguyễn Thị K số tiền 18.100.000 đồng; anh Võ Văn V số tiền 9.800.000 đồng; anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T số tiền 25.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 32.200.000 đồng; chị Phạm Thị Mỹ T số tiền 19.200.000 đồng

- Về vật chứng: Trả lại số tiền 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu giữ trong qua trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị H hiện có tại kho bạc nhà nước huyện Đô Lương theo phiếu nhập kho nhập TK 9911 ngày 28/09/2020 nhưng cần tiếp tục giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; Tịch thu hóa giá xung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, lắp sim thứ nhất số: 0979.353.567; sim thứ hai không lắp; có số imei 1: 353891103517467; có số imei2: 353891103460254 (đã qua sử dụng) thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo phiếu xuất kho vật chứng số 97/PXK ngày 30/11/2020 của Công an huyện Đô Lương; 02 (hai) quyển số màu đỏ-đen, bên trong có nhiều T giấy ghi các nội dung khác nhau. Các T giấy đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và được đánh số từ 1 đến 100 là ghi chép việc vay tiền, chuyển tiền trong việc cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lại bất hợp pháp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị Phạm Thị H 27.310.383 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười ngàn ba trăm tám mươi ba đồng); chị Phạm Thị Mỹ T 24.995.574 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng); anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T 9.341.585 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng); anh Võ Văn V 2.028.689 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án HSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- VKS,THADS huyện Đô Lương ;
- Công an huyện Đô Lương;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồ Hòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 15 tháng 01 năm 2021

Tại: Phòng nghị án, TAND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hào – Ông Trần Văn Luyện

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo Nguyễn Thị H , sinh năm 1989. Trú tại: Xóm 4, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

* Các chứng cứ, tài liệu trong vụ án do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đều hợp pháp

* Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";

- Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 ; điều 65 của Bộ luật hình sự;

Kết quả biểu quyết: 3/3;

3.Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết: 3/3;

4.Về các vấn đề khác:

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Truy thu tiền để sung vào ngân sách nhà nước:

Từ bị cáo H số tiền *979.472.403 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm lẻ ba đồng)* (gồm 960.150.000 đồng tiền gốc sử dụng vào mục đích cho vay lãi nặng và tiền lợi tức phát sinh từ tiền gốc cho vay 19.322.403 đồng).

Từ chị Phạm Thị H số tiền 59.000.000 đồng; chị Phạm Thị Ngọc Đ số tiền 7.350.000 đồng; chị Nguyễn Thị K số tiền 18.100.000 đồng; anh Võ Văn V số tiền 9.800.000 đồng; anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T số tiền 25.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị H số tiền 32.200.000 đồng; chị Phạm Thị Mỹ T số tiền 19.200.000 đồng

- Về vật chứng: Trả lại số tiền 22.900.000đ (Hai mươi hai triệu, chín trăm nghìn đồng) thu giữ trong qua trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Thị H hiện có tại kho bạc nhà nước huyện Đô Lương theo phiếu nhập kho nhập TK 9911 ngày 28/09/2020 nhưng cần tiếp tục giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; Tịch thu hóa giá xung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu đen, lắp sim thứ nhất số: 0979.353.567; sim thứ hai không lắp; có số imei 1: 353891103517467; có số imei2: 353891103460254 (đã qua sử dụng) thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị H đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo phiếu xuất kho vật chứng số 97/PXK ngày 30/11/2020 của Công an huyện Đô Lương; 02 (hai) quyển sổ màu đỏ-đen, bên trong có nhiều T giấy ghi các nội dung khác nhau. Các T giấy đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị H và được đánh số từ 1 đến 100 là ghi chép việc vay tiền, chuyển tiền trong việc cho vay lãi nặng là vật lưu giữ các số liệu có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cần tiếp tục lưu kèm hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng: Điều 468 Bộ luật dân sự;

Tuyên buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền thu lại bất hợp pháp cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: chị Phạm Thị H 27.310.383 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm mười ngàn ba trăm tám mươi ba đồng); chị Phạm Thị Mỹ T 24.995.574 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng); anh Hoàng Văn D và chị Chu Thị T 9.341.585 đồng (chín triệu ba trăm bốn mươi mốt ngàn năm trăm tám mươi lăm đồng); anh Võ Văn V 2.028.689 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

* Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Kết quả biểu quyết: 3/3;

Nghị án kết thúc vào hồi…....giờ..….phút..…, ngày tháng năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Hòa

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

Nguyễn Hồ Hòa

Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Trong tình hình hiện nay, hoạt động tín dụng đen đang bùng phát, làm rối loạn trong thị trường tài chính, gây mất ổn định xã hội và tạo ra những hậu quả khó lường cho người vay lẫn người cho vay, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Do vậy, cần kịp thời đưa ra xét xử nghiêm và lên một mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bố đẻ là thương binh được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất (là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự) nên cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện VKS là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và thể hiện sự kHn hồng pháp luật.